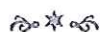


BÁO CÁO ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2016



PHẦN I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2015

I. KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH NĂM 2015:

Năm 2015 kinh tế Việt Nam đạt mức tăng trưởng tổng sản phẩm trong nước (GDP) 6,68% so với năm 2014 (nguồn Tổng Cục Thống Kê Việt Nam), cao hơn so với mục tiêu của Chính phủ đặt ra là 6,2%. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) năm 2015 thấp nhất trong 14 năm gần đây. Tình hình kinh tế khó khăn kéo dài khiến người tiêu dùng tiết kiệm chi tiêu, sức mua giảm.

Giá dầu thế giới giảm dần theo giá xăng dầu trong nước giảm, giá lương thực giữ ở mức thấp dẫn đến sự cạnh tranh càng khốc liệt hơn trên thị trường. Các doanh nghiệp Thái Lan, Nhật Bản, Hàn Quốc thâm nhập dần các kênh phân phối trong nước, tạo nên sức ép cạnh tranh thêm từ bên ngoài đối với doanh nghiệp Việt Nam.

Cuối năm 2015 hình thành Cộng đồng kinh tế ASEAN, Việt Nam ký kết hiệp định thương mại tự do với EU, ký kết Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP). Tình hình này mở ra các cơ hội phát triển, nhưng cũng xuất hiện nhiều thách thức đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

II. BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2015:

Công ty đã đạt được kết quả về doanh số và lợi nhuận năm 2015 cụ thể như sau:

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	KHSXKD năm 2015	Kết quả thực hiện năm 2015	Chênh lệch (Thực hiện so với kế hoạch)	
			Giá trị	%
Doanh thu thuần	1,248.90	1,195.00	(53.90)	-4%
Chi phí (D.thu thuần-lợi nhuận trước thuế)	1,214.40	1,136.59	(77.81)	-6%
Lợi nhuận trước thuế	34.50	58.42	23.92	69%
Lợi nhuận sau thuế	25.90	43.70	17.80	69%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/ doanh thu thuần	2.1%	3.7%	1.6%	76%

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2015 Công ty cổ phần Kỹ Nghệ Thực phẩm Việt Nam)

Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Đơn vị tính: tỷ đồng

Kết quả kinh doanh	Năm 2014	Năm 2015	Chênh lệch	Tăng trưởng	Tỷ lệ/doanh
--------------------	----------	----------	------------	-------------	-------------

				2015/2014	thu 2015
Doanh thu thuần	1,090.24	1,195.00	104.8	9.6%	100.0%
Chi phí	1,044.55	1,138.42	93.9	9.0%	95.3%
- Giá vốn hàng bán	873.74	953.97	80.2	9.2%	79.8%
- Chi phí bán hàng	117.37	117.79	0.4	0.4%	9.9%
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	53.38	67.29	13.9	26.1%	5.6%
- Chi phí tài chính	0.07	-0.62	(0.7)	-988.1%	-0.1%
Lợi nhuận trước thuế	46.86	58.42	11.6	24.7%	4.9%
Lợi nhuận sau thuế	34.82	43.70	8.9	25.5%	3.7%

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2015 Công ty cổ phần Kỹ Nghệ Thực phẩm Việt Nam)

Phân tích tổng quan về tình hình thực hiện trên các chỉ tiêu cơ bản:

Doanh thu: Tổng doanh thu năm 2015 tăng 9.6% so với năm 2014.

Chi phí: Tổng chi phí năm 2015 tăng 9.0 % so năm 2014. Trong đó:

- Giá vốn hàng bán là 953.97 tỷ đồng, chiếm 79.8% tổng doanh thu, tăng 9.2% so với năm 2014.
- Chi phí bán hàng trong năm là 117.79 tỷ đồng, chiếm 9.9% tổng doanh thu, tăng 0.4% so với năm 2014.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm là 67.29 tỷ đồng, chiếm 5.6% tổng doanh thu, tăng 26.1 % so với năm 2014.
- Chi phí tài chính trong năm là 0.62 tỷ đồng.

Lợi nhuận sau thuế năm 2015: đạt 43.7 tỷ đồng, chiếm 3.7% tổng doanh thu, tăng 25.5% so với năm 2014.

Trong năm Công ty đã áp dụng các biện pháp quản lý giá nguyên liệu đầu vào, kiểm soát chi phí sản xuất, chi phí bán hàng, chi phí quản lý góp phần cải thiện chỉ tiêu lợi nhuận.

Báo cáo tình hình tài chính

a/ Tình hình tài chính :

(Đơn vị tính: Đồng)

Kết quả kinh doanh	Năm 2014	Năm 2015
Doanh thu thuần	1,090,236,819,718	1,195,003,211,811
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	45,682,067,162	56,579,936,262
Lợi nhuận trước thuế	46,857,408,658	58,415,254,840
Lợi nhuận sau thuế	34,815,749,158	43,696,214,883
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	10%	

(Đơn vị tính: Đồng)

Bảng cân đối kế toán	Năm 2014	Năm 2015
Tổng tài sản	356,353,898,012	425,671,894,652
Tài sản ngắn hạn	314,321,956,145	362,736,844,054

Tài sản dài hạn	42,031,941,867	62,935,050,598
Vốn điều lệ	103,263,100,000	103,263,100,000
Vốn chủ sở hữu	196,968,392,997	229,893,767,880

a/ Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

(Đơn vị tính: Đồng)

Chỉ số tài chính	ĐVT	2014	2015
A. Chỉ số thanh toán:			
Chỉ số thanh toán hiện hành	lần	2.17	1.91
Chỉ số thanh toán nhanh	lần	1.51	1.35
B. Chỉ tiêu cơ cấu vốn			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	44.73%	45.99%
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	55.27%	54.01%
C. Chỉ tiêu năng lực hoạt động			
Vòng quay các khoản phải thu	vòng	5.3	5.4
Số ngày bình quân vòng quay các khoản phải thu	ngày	68.6	67.7
Vòng quay hàng tồn kho	vòng	9.3	9.5
Số ngày bình quân vòng quay hàng tồn kho	ngày	39.17	38.4
Vòng quay các khoản phải trả	vòng	9.3	9.5
Số ngày bình quân các khoản phải trả	ngày	39.17	38.4
D. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	3.19%	3.66%
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	17.68%	19.01%
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	9.77%	10.27%

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2015 Công ty cổ phần Kỹ Nghệ Thực phẩm Việt Nam)

Tình hình tài chính - Các chỉ số tài chính trong năm 2015:

Chỉ số khả năng thanh toán hiện hành: Trong năm 2015 tỷ số này giảm so với năm 2014 (từ 2.17 giảm xuống 1.91), tuy nhiên tỷ số này vẫn lớn hơn 1, vẫn đảm bảo nhu cầu trả nợ cho các đối tác.

Vòng quay hàng tồn kho năm 2015 tăng so với năm 2014 (tỷ lệ tăng từ 9.3 đến 9.5), điều này thể hiện hàng hóa được tiêu thụ nhanh tiết kiệm được chi phí lưu kho và rủi ro hư hỏng hàng hóa. Tuy nhiên chỉ số vòng quay hàng tồn kho năm 2015 về lý thuyết thì tốt nhưng thực tế thì cần phải cân đối cung cấp nguyên vật liệu cho sản xuất và cung ứng kịp thời hàng hóa cho thị trường

Các chỉ số về khả năng sinh lời trong năm 2015 cao so với năm 2014, tỷ số lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu năm 2015 cao hơn 2014 (từ 3.19% lên 3.66%), doanh thu năm 2015 cao hơn so với năm 2014 trong khi tổng chi phí giảm. Trong năm 2016, công ty tiếp tục tìm nguồn cung cấp với giá cả hợp lý và chấn chỉnh và kiểm soát chi phí để tiếp tục gia tăng lợi nhuận.

Thành phần Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát gồm có 3 thành viên. Tổng thù lao của các thành viên HĐQT, BKS trong năm 2015 là 702.000.000 đồng.

Ban Tổng giám đốc, Ban giám đốc gồm có 6 thành viên, tổng lương, thưởng của các thành viên Ban Tổng giám đốc, Ban giám đốc năm 2015 là 6.195.307.500 đồng.

Công tác xã hội.

Công ty luôn tích cực tham gia các hoạt động Xã hội – từ thiện vì cộng đồng, các chương trình chính trị an sinh xã hội mang ý nghĩa thiết thực như: Tài trợ cho Quỹ Học bổng trẻ em Việt Nam, tài trợ cho Quỹ học bổng Vừ A Dính, Ủng hộ chương trình Vì Trường Sa thân yêu, tham gia cứu trợ đồng bào bị lũ lụt Miền Trung, tài trợ sinh viên đón Tết xa nhà, tiếp sức mùa thi, tham gia các chương trình bình ổn giá do UBND TPHCM tổ chức.

PHẦN II. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2016

Căn cứ theo mục tiêu và định hướng phát triển chiến lược của VIFON đối với ngành kinh doanh chính, lợi thế cạnh tranh của Công ty và tiềm năng phát triển thị trường của ngành, kế hoạch doanh thu của Công ty trong năm 2016 như sau:

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Kết quả thực hiện năm 2015	Kế hoạch SXKD năm 2016	Giá trị	Tăng trưởng
Doanh thu thuần	1,195.00	1,477.13	282.1	23.6%
Chi phí (D.thu thuần-lợi nhuận trước thuế)	1,136.59	1,416.77	280.2	24.7%
Lợi nhuận trước thuế	58.4	60.4	1.9	3%
Lợi nhuận sau thuế	43.7	48.3	4.6	11%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/ doanh thu thuần	3.7%	3.3%	-0.4%	-11%

Theo kế hoạch, doanh thu dự kiến tăng 23.6% so với năm 2015. Năm 2016, công ty cố gắng duy trì tỷ lệ chi phí bằng hoặc thấp hơn năm 2015, để đảm bảo lợi nhuận tăng trưởng 11% theo kế hoạch.

Năm 2016, Công ty tiếp tục thực hiện các công việc cụ thể như sau để đáp ứng mục tiêu phát triển ổn định:

Tiếp tục cải tổ cơ cấu tổ chức, bổ sung các nhân sự có trình độ vào các vị trí chốt yếu của Công ty. Nâng cao hiệu quả quản lý theo mô hình tiên tiến, phù hợp với mức độ phát triển công ty.

Cải thiện, chăm lo đời sống cho cán bộ nhân viên, tạo điều kiện để người lao động yên tâm công tác.

Tiếp tục thực hiện chương trình giảm giá thành, giảm chi phí đầu vào, đầu tư nghiên cứu và trang bị các thiết bị sản xuất thích hợp để tăng mức tự động hóa, tăng năng suất lao động.

Tiếp tục phát triển hệ thống phân phối trong và ngoài nước, tăng cường độ phủ sản phẩm Vifon trên toàn quốc, tăng hiệu quả hoạt động của các kênh phân phối.

Đầu tư có tập trung và có tính chất chiến lược cho hoạt động marketing, góp phần nâng cao doanh số và nâng cao hình ảnh sản phẩm cũng như thương hiệu Vifon trên thị trường.

Nhanh chóng đưa ra thị trường các sản phẩm mới, có chất lượng và sức cạnh tranh.

Hiện nay văn phòng, nhà xưởng Công ty và các thiết bị máy móc đang xuống cấp trầm trọng, Công ty cần đầu tư các thiết bị sản xuất hiện đại để tự động hóa các công đoạn sản xuất, tiến tới các quy trình sản xuất khép kín, nâng cao năng suất lao động và đảm bảo ổn định chất lượng sản phẩm phù hợp với điều kiện kinh tế hội nhập, phát triển toàn cầu. Trong 5 năm tới Công ty phải đầu tư tài chính hơn 155 tỷ đồng để đầu tư, phát triển các hạng mục sửa chữa nhà xưởng, sửa chữa văn phòng làm việc, nâng cấp máy móc thiết bị tại trụ sở chính Nhà máy Vifon địa chỉ 913 Trường Chinh, P.Tây Thạnh, quận Tân Phú, TP.HCM và cải tạo tòa nhà 118-120 Hải Thượng Lãn Ông, Quận 5, TP.HCM để đáp ứng điều kiện hội nhập thị trường. (Đính kèm Tờ trình số 115/HDQT-VF ngày 10/3/2016).

PHẦN III. PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2016

Căn cứ vào kết quả kinh doanh năm 2015 và kế hoạch đầu tư và phát triển năm 2016 Hội đồng quản trị đề nghị phương án phân phối lợi nhuận năm 2015 như sau:

Đơn vị tính: VND

1	Lợi nhuận chưa phân phối năm trước		21 831 323 870
2	Lợi nhuận năm 2015		43 696 214 883
3	Tổng lợi nhuận chưa phân phối (1+2)		65 527 538 753
4	Quỹ dự phòng tài chính (% lợi nhuận 2015)	5%	2 184 810 744
5	Quỹ khen thưởng, phúc lợi (% lợi nhuận 2015)	2,98	1 300 000 000
6	Quỹ chi chính sách HDQT, BKS (%LN)	0.0%	0
7	Chi cổ tức (% vốn DL)	0.0%	0
8	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối (3-4-5-6-7)		62 042 728 009

Ngày 10 tháng 03 năm 2016

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



LÊ THỊ ÁNH PHƯƠNG